

Số: 116 /TB-SNN

Đắk Nông, ngày 08 tháng 02 năm 2014

## THÔNG BÁO

### V/v Công bố Quy hoạch Hệ thống nghiên cứu, chuyển giao, sản xuất và cung ứng giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2013- 2020

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/09/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/09/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định 2194/QĐ – TTg ngày 25/12/2009 của Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1771/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Phê duyệt quy hoạch hệ thống nghiên cứu, sản xuất và cung ứng giống thủy sản đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 468/UBND-NN ngày 16/04/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Phê duyệt đề cương và dự toán lập dự án quy hoạch mạng lưới nghiên cứu, chuyển giao, sản xuất và cung ứng giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBND, ngày 07/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh v/v Phê duyệt Quy hoạch Hệ thống nghiên cứu, chuyển giao, sản xuất và cung ứng giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2013-2020;

Để tạo điều kiện cho các địa phương, các Sở ban ngành, công dân, doanh nghiệp, các nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận nghiên cứu, khai thác, đồng thời làm căn cứ theo dõi, giám sát, kiến nghị những bổ sung cần thiết, tránh tình trạng triển khai thực hiện sai lệch quy hoạch đã được phê duyệt.

Sở Nông nghiệp & PTNT Thông báo: Công bố Quy hoạch Hệ thống nghiên cứu, chuyển giao, sản xuất và cung ứng giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2013-2020 với các nội dung sau:

**1.Tên dự án:** Quy hoạch hệ thống nghiên cứu, chuyển giao, sản xuất và cung ứng giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2013 – 2020.

**2.Chủ đầu tư:**

- Giai đoạn lập dự án: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Giai đoạn đầu tư: Sở Nông nghiệp & PTNT và UBND các huyện, thị xã.

**3. Thời gian thực hiện dự án:** Giai đoạn 2013 -2020.

#### **4. Mục tiêu và quan điểm quy hoạch:**

##### **4.1. Quan điểm phát triển**

- Thực hiện đồng bộ, hiện đại, nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của ngành nông nghiệp tỉnh Đắk Nông;

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất, cung ứng, tăng khả năng cạnh tranh và phát huy lợi thế tiểu vùng sinh thái nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nông lâm thủy sản của tỉnh, từng bước chủ động giống trên địa bàn tỉnh;

- Phát huy cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, kết hợp ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, nhân lực, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái, để khai thác có hiệu quả lợi thế và điều kiện tự nhiên của tỉnh;

- Gắn kết chặt chẽ với công nghiệp bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ, tiếp tục hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung;

- Gắn với chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi của tỉnh, cùng với tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông, lâm, thủy sản hàng hoá với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao;

##### **4.2. Mục tiêu phát triển**

###### **4.2.1. Mục tiêu tổng quát**

Quy hoạch phát triển hệ thống nghiên cứu, chọn tạo, chuyên giao, sản xuất, cung ứng giống cây trồng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, để tăng nhanh năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh, hiệu quả sản xuất nông – lâm – thủy sản, đáp ứng và chủ động nhu cầu về giống của tỉnh tới năm 2015 và năm 2020.

###### **4.2.2. Mục tiêu cụ thể**

###### **4.2.2.1. Đối với giống cây trồng**

###### **a) Giống Lúa**

- Đối với giống lúa thuần: Các cơ sở sản xuất, cung giống lúa thuần có khả năng đáp ứng được lượng giống lúa thuần cho 85% tổng diện tích gieo trồng lúa năm 2015 và 80% năm 2020, trong đó giống lúa xác nhận trở lên chiếm 70% năm 2015 và 80% năm 2020.

- Trên địa bàn tỉnh chủ yếu sản xuất giống xác nhận và một phần do các nghiên cứu, sản xuất cấp vùng, Quốc gia sản xuất nhằm chủ yếu cung cấp trong trường hợp thiên tai, bão lụt xảy ra.

- Đối với lúa lai: Do không phải là thế mạnh về lúa nên việc đáp ứng giống lúa lai cho sản xuất trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tới dựa vào nguồn mạng lưới phân phối giống từ các nguồn nhập khẩu và sản xuất trong nước. Hoàn chỉnh hệ thống cung cấp giống đáp ứng 15% diện tích gieo trồng năm 2015 và 20% năm 2020.

###### **b) Giống Ngô**

Hệ thống sản xuất giống ngô cung cấp giống cho thị trường, tiến tới tăng tỷ lệ tự túc giống ngô sản xuất trên địa bàn tỉnh lên khoảng 60% năm 2015 và 80% năm 2020. Tỷ lệ diện tích trồng ngô lai từ 90% hiện nay tăng lên 95% năm 2015 và 98% năm 2020. Với các vùng sản xuất giống ngô hiện nay, tiếp tục đầu tư nhà máy sơ

chế, đóng gói và bảo quản trên địa bàn tỉnh nhằm tiến tới sản xuất ngô giống xuất khẩu.

c) Giống Lạc, đậu tương

Từ các kết quả nghiên cứu và chọn tạo từ các Viện, các trường đại học chuyên ngành, hoàn thiện hệ thống phân phối, sản xuất cung ứng giống mới để hàng năm có khoảng 20% lượng giống lạc mới, 24% giống đậu tương mới được thay thế giống cũ.

d) Giống rau hoa

Từ các kết quả nghiên cứu, nhập nội, khảo nghiệm các giống rau - hoa mới của các Viện, các Trung tâm chuyên ngành. Tỉnh tập trung hoàn thiện hệ thống phân phối, xây dựng các quy trình canh tác giống rau - hoa cho phù hợp với điều kiện của địa phương. Trong đó, tập trung vào sản xuất cung ứng một số giống rau phổ biến như: cải ngọt, xà lách, mồng tơi, dưa leo, mướp đắng, đậu cô ve,...; một số giống hoa trồng phổ biến như: hoa hồng, hoa cúc, hoa đồng tiền, hoa lily, hoa lan, hoa lay ơn, hoa loa kèn....

e) Giống khoai lang

Các cơ sở sản xuất, cung giống khoai lang (Nhật Bản) F1 có khả năng đáp ứng được lượng giống cho 80% tổng diện tích gieo trồng khoai (Nhật Bản) trên địa bàn tỉnh năm 2015 và 100% năm 2020. Giai đoạn 2016 – 2020 hướng tới nghiên cứu cây mô nhằm chủ động hoàn toàn giống khoai cho nhu cầu trong tỉnh.

f) Giống cà phê

Đảm bảo giống cà phê có chất lượng, năng suất cao đáp ứng nhu cầu cải tạo vườn cà phê năng suất kém và già cỗi. Cụ thể sản xuất, cung ứng giống cà phê trên địa bàn tỉnh đến năm 2015 đảm bảo 60% diện tích cần cải tạo, tái canh (nhu cầu tái canh khoảng 5.000 ha); đến năm 2020 đáp ứng 80% diện tích cần cải tạo, tái canh (nhu cầu tái canh khoảng 9.500 ha).

g) Giống cây điều

Nghiên cứu, chọn tạo vườn cây đầu dòng và xây dựng vườn ươm nhân giống có chất lượng và năng suất. Giai đoạn 2013 - 2015 đảm bảo 100% nhu cầu giống đáp ứng tái canh và trồng mới khoảng 4.50 ha điều; Giai đoạn 2016 - 2020 đảm bảo 100% nhu cầu giống đáp ứng tái canh và trồng mới khoảng 580 ha điều.

h) Giống Hồ tiêu

Nghiên cứu, chọn tạo cây giống có năng suất chất lượng tốt, sạch sâu bệnh và khuyến khích xây dựng vườn ươm giống có khả năng đáp ứng khoảng 70% nhu cầu giống để trồng mới và cải tạo trong giai đoạn 2013 – 2015; 100% nhu cầu giống đến năm 2020.

i) Giống cây ăn quả

Nghiên cứu, chọn tạo vườn cây đầu dòng và xây dựng vườn ươm nhân giống có chất lượng và năng suất. Đối với một số cây chủ lực như: sầu riêng, bơ, mít, xoài chủ động nguồn giống đáp ứng cho 80% nhu cầu giống để trồng mới và cải tạo trong giai đoạn 2013 – 2015; 100% nhu cầu giống đến năm 2020. Đối với các

loại cây ăn quả khác hoàn thiện hệ thống phân phối (đại lý cấp I) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh.

j) Giống cao su

Tạo vườn cây đầu dòng phù hợp với điều kiện tự nhiên trên địa bàn tỉnh, nhằm cung cấp chồi ghép và cây giống đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, cho năng suất, sản lượng mũ cao góp phần phục vụ nhu cầu giống trên địa bàn. Giai đoạn 2013 – 2015 hàng năm đáp ứng khoảng 35 - 40% nhu cầu giống, giai đoạn 2016 - 2020 hàng năm đáp ứng khoảng 70% lượng giống cung ứng trên địa bàn tỉnh.

k) Giống cây lâm nghiệp

- Mục tiêu về cung cấp giống: Hàng năm cung cấp đủ giống tốt để thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng và các chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phân đấu có đủ giống tốt cung ứng nhu cầu cho người trồng rừng tại địa phương.

- Mục tiêu về quản lý giống: Hoàn thiện bộ máy quản lý để kiểm soát chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp theo thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống đối với các loài cây trồng chính.

- Mục tiêu về nghiên cứu giống: Nâng cao phẩm chất di truyền, chọn được nhiều giống mới có năng suất cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh hại và các điều kiện bất lợi; nâng cao tính phong phú về loài trong cơ cấu giống cây trồng rừng; nghiên cứu và ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất giống, nhất là phương pháp nhân giống sinh dưỡng.

- Mục tiêu về nguồn lực: Củng cố, nâng cấp vườn ươm, vườn ngân hàng dòng hiện có đủ để cung cấp giống có chất lượng cao cho trồng rừng.

4.2.2.2. Đối với giống vật nuôi

Hình thành và phát triển các cơ sở sản xuất giống vật nuôi tiến tới chủ động nguồn giống vật nuôi cho cả tỉnh; tiếp tục bảo tồn giống vật nuôi bản địa (gà ri, vịt cỏ, lợn sóc, cá lăng và cá mõm trâu,...) đồng thời lựa chọn nhập nội các dòng, chủng loại vật nuôi có tầm vóc lớn (trâu, bò, lợn) để cải tạo giống địa phương tạo ra sản phẩm có chất lượng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng; xây dựng các cơ sở, hệ thống sản xuất giống vật nuôi, chú trọng xây dựng các trung tâm giống cấp I, giống chất lượng cao, vùng giống nhân dân để cung cấp con giống cho sản xuất; đầu tư tạo ra các đàn giống hạt nhân (đại gia súc) đạt từ 10-15% tổng đàn trâu bò làm con giống.

- Giống bò: giai đoạn 2013 – 2015 cần thêm 163 con bò đực Brahman để thay thế đàn bò đực địa phương; Sau năm 2015 tỷ lệ Brahman hóa đạt 40% tổng đàn bò thịt của tỉnh, tổng đàn bò thịt của tỉnh 35.000 con. Đến năm 2020 tổng đàn bò thịt của tỉnh đạt 70.000 con, trong đó chăn nuôi trang trại đạt 60% (42.000 con); tỷ lệ Brahman hóa chiếm từ 70% - 80% và tỷ lệ lai các giống bò cao sản đạt 40% (chủ yếu là ở các trang trại) cơ bản đáp ứng nhu cầu cung ứng bò giống Brahman đố 75% máu lai.

- Giống lợn: giai đoạn 2013 – 2015 tỷ lệ đực giống ngoại lai chiếm 88,0% - 90% tổng con giống đực, nái cơ bản ngoại lai chiếm 87,0% - 90% tổng nái cơ bản; giai đoạn 2016 – 2020 tỷ lệ đực giống ngoại lai chiếm 90% - 95% tổng con giống đực, nái cơ bản ngoại lai chiếm 95% - 100% tổng nái cơ bản.

#### 4.2.2.3. Đối với giống thủy sản

- Đến năm 2015: Xây dựng hoàn thiện hệ thống sản xuất giống; đảm bảo sản xuất trong tình chủ động cung cấp 40-50% nhu cầu giống cho nuôi trồng, trong đó 60% là giống sạch bệnh.

- Đến năm 2020: Sản xuất và cung ứng giống đảm bảo cung cấp từ 60 - 70% nhu cầu cho nuôi trồng, trong đó 75% giống có nhiều đặc tính tốt và sạch bệnh.

### **5. Định hướng nghiên cứu, chuyển giao giống trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020**

#### **5.1. Định hướng nghiên cứu giống**

##### *5.1.1. Định hướng:*

+ Theo Quy hoạch hệ thống nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, cung ứng giống cây trồng của toàn Quốc, đối với tỉnh Đắk Nông thì trong giai đoạn tới chủ yếu ở mức quy hoạch Hệ thống các cơ sở chuyển giao, sản xuất, cung ứng giống và khâu nghiên cứu chủ yếu thực hiện qua các đề tài khoa học cấp tỉnh.

+ Trong giai đoạn tới Sở Khoa học và Công nghệ tích cực liên kết với các Viện/trường và các doanh nghiệp để thực hiện các đề tài nghiên cứu, chọn tạo để phát triển các nguồn giống có nguồn gốc ở địa phương như: giống cây sầu riêng; giống bơ, giống lúa cận địa phương; giống cây rừng bản địa của tỉnh như: Bằng lăng, Dầu đỏ, Chò xốt, Kiền kiền; Đối với vật nuôi gồm có: lợn sóc địa phương, cá lăng đuôi đỏ, cá mõm trâu...

##### *5.1.2. Các dự án ưu tiên:*

+ Dự án nghiên cứu phát triển giống các loài cá: cá lăng, cá mõm trâu và cá sọc dưa.

+ Dự án nghiên cứu, phục tráng các giống lợn sóc địa phương.

+ Dự án nghiên cứu, chọn tạo đầu dòng, các giống cây sầu riêng, bơ địa phương.

##### *5.1.3. Kinh phí thực hiện:*

Với tổng cộng 14 đề tài nghiên cứu là 5.600 triệu đồng, trong đó giai đoạn 2013 đến 2015 có 6 đề tài, kinh phí là 2.400 triệu đồng; Nguồn thực hiện từ vốn sự nghiệp khoa học tỉnh.

#### **5.2. Định hướng hệ thống chuyển giao giống**

##### *5.2.1. Định hướng:*

a) Hệ thống Khuyến nông, khuyến ngư:

Chuyển giao giống qua Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các Trạm Khuyến nông – Khuyến ngư ở các huyện, thị xã và Trung tâm Giống thủy sản.

Hàng năm các đơn vị nêu trên tổ chức triển khai các mô hình trình diễn; xây dựng tài liệu hướng dẫn, tuyên truyền cho nông dân về giống có chất lượng, năng suất cao để đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào áp dụng đại trà trong sản xuất.

b) Triển khai chuyển giao giống thông qua các chương trình, chính sách hỗ trợ

Ngoài hệ thống khuyến nông, khuyến ngư, các đơn vị khác như: Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Thú y, các Phòng dân tộc,... thông qua các chính sách hỗ trợ, chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tiến hành hỗ trợ giống

tốt, giống tiến bộ kỹ thuật cho bà con nông dân xây dựng mô hình hoặc áp dụng sản xuất đại trà.

c) Các dự án hỗ trợ khác, như: Dự án có vốn đối ứng của Chính phủ và dự án phi Chính phủ:

Với mục tiêu cải thiện đời sống thông qua các mô hình nông, lâm, ngư nghiệp, các dự án này sẽ tổ chức xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật, các giống mới có hiệu quả và bền vững, thông qua mô hình trình diễn tổ chức nhân rộng sản xuất cho các vùng lân cận.

d) Các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh giống

Với mục tiêu lợi nhuận của các doanh nghiệp, hàng năm họ cũng tổ chức chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, các giống mới đến với nông dân, thông qua các phương thức như: quảng cáo, phát tờ rơi, tờ bướm, xây dựng mô hình trình diễn và hội thảo đầu bờ.

e) Các đại lý kinh doanh giống, trạm thụ tinh nhân tạo (xã hội hóa): Trạm thụ tinh nhân tạo là một hình thức kinh doanh giống vật nuôi được đề xuất trong Quy hoạch này, trạm này được khuyến khích bố trí theo cụm xã và tại trung tâm huyện. Cùng với các đại lý phân phối, trạm thụ tinh nhân tạo là kênh chuyển giao giống từ các vùng khác nhau đến với người sản xuất trên địa bàn.

g) Các doanh nghiệp tham gia sản xuất nông, lâm ngư nghiệp, đây là hệ thống khép kín từ khâu khảo nghiệm, chuyển giao đến sản xuất giống để phục vụ nhu sản xuất đều khép kín trong doanh nghiệp. Do vậy bộ máy, tổ chức đều do doanh nghiệp tự thực hiện.

*5.2.2. Các dự án ưu tiên:*

- Xây dựng mô hình, khảo nghiệm các giống đậu đỗ tại huyện Cư Jút
- Xây dựng mô hình, khảo nghiệm các giống sắn có năng suất cao
- Xây dựng mô hình, khảo nghiệm các giống mía
- Xây dựng mô hình, khảo nghiệm các giống lúa lai, lúa xác nhận
- Xây dựng mô hình, khảo nghiệm các giống gia cầm
- Xây dựng mô hình, khảo nghiệm các giống thủy sản đặc sản
- Xây dựng mô hình, khảo nghiệm một số giống rau hoa
- Xây dựng mô hình, khảo nghiệm một số cây trồng nông, lâm nghiệp mới
- Xây dựng, in tài liệu kỹ thuật sản xuất liên quan các giống tiến bộ kỹ thuật
- Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ đội ngũ khuyến nông, khuyến ngư, cán bộ tại các trạm dẫn tinh nhân tạo.

*5.2.3. Kinh phí thực hiện:* với tổng cộng khoảng 140 mô hình, 25 ngàn bộ tài liệu kỹ thuật và 105 lớp đào tạo khuyến nông là 6.670 triệu đồng, trong đó ngân sách nhà nước là 4.668 triệu đồng, chủ yếu cho đào tạo. Giai đoạn 2013 đến 2015 là 1.854 triệu đồng, ngân sách khoảng 1.161 triệu đồng.

## **6. Quy hoạch hệ thống sản xuất và cung ứng giống đến năm 2020**

### **6.1. Quy hoạch vùng sản xuất, cung ứng giống**

#### **6.1.1. Giống cây trồng**

Theo phân vùng sinh thái nông nghiệp, quy hoạch các vùng cây nông nghiệp tập trung. Trong giai đoạn tới sẽ bố trí quy hoạch hệ thống cơ sở sản xuất giống cây trồng theo địa bàn như sau:

**Bảng 1: Quy hoạch vùng sản xuất và cung ứng giống cây trồng tới năm 2020**

Vùng sinh thái	Địa bàn sản xuất giống	Loại cây giống sản xuất
Vùng Cư Jút, Bắc Krông Nô và Bắc Đăk Mil	Huyện Cư Jút, Krông Nô	Lúa, đậu tương, ngô, bông, rau, cây cảnh, điều, cây lâm nghiệp, cao su
Vùng Đăk Mil, Bắc Đăk Song và các xã giáp Đăk Mil của Krông Nô	Huyện Đăk Mil	Cà phê, tiêu, cây ăn quả (sầu riêng, bơ, mít,...), cây lâm nghiệp
Vùng Tuy Đức và các xã giáp huyện Tuy Đức của huyện Đăk Song	Huyện Đăk Song	Cà phê, tiêu, khoai lang, cây lâm nghiệp
Vùng Gia Nghĩa và Đăk Glong	Thị xã Gia Nghĩa	Cà phê, tiêu, cây ăn quả (sầu riêng, bơ, mít, chanh dây, cam/quýt...), cây lâm nghiệp
Vùng Đăk R'lấp	Huyện Đăk R'lấp	Cà phê, tiêu, cao su, cây lâm nghiệp, cây ăn quả

*6.1.2. Giống vật nuôi và giống thủy sản*

**Bảng 2: Quy hoạch vùng sản xuất và cung ứng giống vật nuôi và giống thủy sản tới năm 2020**

Vùng sinh thái	Địa bàn sản xuất giống	Loại con giống sản xuất, cung ứng
<b>VẬT NUÔI</b>		
Huyện Cư Jút, Đăk Song và Đăk R'lấp	Huyện Cư Jút và huyện Đăk R'lấp	Giống lợn bố mẹ lai, lợn sóc, lợn rừng, lợn thương phẩm
Huyện Đăk G'long, Tuy Đức và Cư Jút	Huyện Cư Jút và huyện Đăk Glong	Giống bò lai máu ngoại, gieo tinh cấp tiến
Huyện Cư Jút, Krông Nô, Đăk Song, Đăk Mil và Đăk R'lấp	Huyện Cư Jút và huyện Đăk R'lấp	Giống gà bố mẹ, gà thương phẩm
<b>THỦY SẢN</b>		
Huyện Cư Jút, Krông Nô, Đăk Mil, Đăk G'long và thị xã Gia Nghĩa	Huyện Đăk Mil	Giống cá các loại

**6.2. Quy hoạch hệ thống sản xuất giống trên địa bàn tỉnh Đăk Nông đến năm 2020**

*6.2.1. Dự án giống cây trồng*

*a) Dự án sản xuất hạt giống lúa.*

Sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng. Hỗ trợ và chuyển giao kỹ thuật cho nông dân sản xuất hạt giống lúa xác nhận.

**Bảng 3: Dự án sản xuất hạt giống lúa giai đoạn 2012 -2020**

TT	Huyện, T.x	Quy mô (ha/năm)		Sản lượng (tấn/năm)	
		2013-2015	2016-2020	2015	2016
A/	Hạt giống nguyên chủng (K'ông Nô)	10	10	45	50
B/	Hạt giống xác nhận	250	250	1.125	1.250
1	Huyện Cư Jút	70	70	315	350
3	Huyện K'ông Nô	180	180	810	900

Chi cục Bảo vệ thực vật phối hợp với Trung tâm khuyến nông hỗ trợ kinh phí và chỉ đạo quản lý HTX sản xuất giống sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng, đảm bảo nhu cầu hạt giống cho các huyện sản xuất hạt giống lúa xác nhận với quy mô 10 ha/năm, sản lượng hạt giống 40 -50 tấn/năm.

Hỗ trợ và chuyên giao tiên bộ kỹ thuật cho các huyện sản xuất 1.125 tấn hạt giống lúa xác nhận/năm giai đoạn 2013 -2015 và 1.250 tấn/năm, giai đoạn 2016 - 2020.

Tổng chi phí thực hiện trong 8 năm: 151.575 triệu đồng, đầu tư cho sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng 7.200 triệu đồng, sản xuất hạt giống lúa xác nhận 144.375 triệu đồng. Kêu gọi doanh nghiệp (60%) đầu tư, liên kết với người dân (30%) và Nhà nước hỗ trợ (10%), kinh phí 7.200 triệu đồng cho chương trình sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng. Phần còn lại từ nguồn vốn vay và vốn tự có của hộ nông dân. Trong giai đoạn 2013 – 2015, tổng chi phí 53.325 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách 270 triệu đồng (trung bình mỗi năm 90 triệu đồng) cho sản xuất lúa nguyên chủng, phần còn lại là doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân tự tổ chức huy động vốn sản xuất.

*b) Dự án sản xuất hạt giống ngô.*

Kêu gọi các công ty, doanh nghiệp, liên kết với các hộ nông dân chuyên giao kỹ thuật sản xuất hạt giống ngô lai tại Đắk Nông. Phần đầu đến năm 2015 tự sản xuất 520 tấn hạt giống ngô/năm, năm 2020 tự sản xuất 600 tấn hạt giống ngô lai.

**Bảng 4: Bố trí sản xuất hạt giống ngô lai giai đoạn 2013 -2020**

TT	Huyện, Thị xã	Quy mô (Ha/năm)		Sản lượng (tấn/năm)	
		2013-2015	2016-2020	2015	2016
	<b>Tổng cộng</b>	<b>150</b>	<b>150</b>	<b>525</b>	<b>600</b>
1	Đắk Song	50	50	175	200
2	Cư Jút	50	50	175	200
3	K'ông Nô	50	50	175	200

Vốn đầu tư: 251.625 triệu đồng, kinh phí thực hiện do doanh nghiệp và người dân tự bố trí. Giai đoạn 2013 -2015: 86.625 triệu đồng.

*c) Dự án sản xuất hạt giống lạc và đậu tương.*

Quy hoạch diện tích sản xuất giống lạc và đậu tương khoảng 20 ha x2 vụ trên địa bàn xã Nam Dong, huyện Cư Jút. Mỗi năm cung cấp khoảng 80 – 100 tấn giống đậu. Tổng kinh phí thực hiện 19.100 triệu đồng, ngân sách hỗ trợ 382 triệu đồng (2%), kinh phí chuyên giao kỹ thuật cho doanh nghiệp, người dân và nhà khoa học. Giai đoạn 2013 -2015: 6.600 triệu đồng, vốn ngân sách 132 triệu đồng (trung bình mỗi năm 44 triệu đồng).

*d) Dự án sản xuất giống khoai lang.*

- Khu sản xuất giống khoai lang ứng dụng công nghệ cao tại xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức với diện tích 10 ha. Trong đó 1 ha đầu tư ứng dụng công nghệ cao trong nhân giống và 9 ha sản xuất giống khoai lang từ giống cây mô.

- Khu sản xuất giống khoai lang tại xã Thuận Hà, huyện Đắk Song với diện tích 4 ha sản xuất giống khoai lang từ giống cây mô.

- Kinh phí thực hiện



+ Đầu tư khu ứng dụng công nghệ cao với tổng kinh phí khoảng 11.500 triệu đồng, trong đó gồm chi phí xây dựng nhà kính, tưới tự động, phòng cấy mô và chi phí khác; trong đó kinh phí xây dựng khu vực nhà cấy mô khoảng 1.150 triệu đồng, thực hiện bằng nguồn kinh phí của ngân sách Nhà nước, phần còn lại như giống thực nghiệm, giống nhân, vật tư nhân giống huy động từ doanh nghiệp (thực hiện sau năm 2015).

+ Chi phí sản xuất giống hàng năm, với tổng diện tích là 9 ha sản xuất 2 vụ, mỗi năm sản xuất trung bình từ 36 – 42 triệu hom giống khoai lang. Với tổng kinh phí trong 8 năm khoảng 86.400 triệu đồng, ngân sách hỗ trợ 1.728 triệu đồng (2%), kinh phí chuyển giao kỹ thuật cho doanh nghiệp và nhà khoa học; giai đoạn 2013 – 2015 tổng kinh phí khoảng 16.200 triệu đồng, nguồn ngân sách hỗ trợ 324 triệu đồng (trung bình 108 triệu đồng/năm).

e) Dự án giống dài ngày: Cà phê, Ca cao, Hồ tiêu, Điều, cây ăn quả

- Giai đoạn 2013 – 2015, trung bình mỗi năm tổng nhu cầu khoảng 7 triệu cây giống cây dài ngày (cà phê, cao su, tiêu, điều, ca cao, cây ăn quả).

- Giai đoạn 2016 – 2020, trung bình mỗi năm tổng nhu cầu khoảng 12 triệu cây giống các loại.

**Bảng 5: Dự án lập vườn ươm giống cây dài ngày giai đoạn 2013 -2020**

T T	Huyện, thị xã	Quy mô vườn ươm (m <sup>2</sup> )			Triệu cây/năm	Giống cây trồng chủ yếu
		Quy mô	013- 015	016-020	2013 - 2020	
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>100.000</b>	<b>70.000</b>	<b>100.000</b>	<b>7,5- 12</b>	
1	Xã Quảng Tâm, Tuy Đức	10.000	10.000	10.000	0,5 - 1,0	Mac ca, Cao su, tiêu
2	Xã Quảng Tín, Đắk R'Lấp	10.000	10.000	10.000	1,0 - 2,0	Cà phê, điều, tiêu, CAQ
3	Xã Thuận Hạnh, Đắk Song	20.000	10.000	20.000	1,0 -1,5	Cà phê, tiêu
4	Xã Đắk Sắk, Đắk Mil	20.000	10.000	20.000	1,0 -1,5	Cà phê, ca cao, tiêu, CAQ
5	Xã Đức Minh, Đắk Mil	10.000	10.000	10.000	0,5 -1,0	Cà phê, tiêu, CAQ
6	Xã Trúc Sơn, Cư Jut	10.000	10.000	10.000	0,5 -1,0	Điều, cao su, CAQ
7	Xã Đắk Nia, TX Gia Nghĩa	20.000	10.000	20.000	2,0 -2,5	Cà phê, CAQ
8	Các cơ sở nhỏ lẻ (cơ sở)		16	25	1,6 – 2,5	Cà phê, ca cao, tiêu, CAQ

- Đầu tư và chăm sóc vườn cây đầu dòng

+ Vườn đầu dòng cà phê ghép giai đoạn 2013 – 2015 là 3 ha, năng lực sản xuất mỗi năm khoảng 0,72 triệu chồi; giai đoạn 2016 – 2020 khoảng 5 ha, năng lực sản xuất trung bình mỗi năm 2,4 triệu chồi giống.

+ Vườn cà phê lai đa dòng 1 ha, giai đoạn 2013 – 2015 mỗi năm khoảng 2,40 triệu hạt, sau 2015 khoảng 4,20 triệu hạt mỗi năm.

+ Vườn giống tiêu sạch bệnh 1 – 2 ha (vừa kinh doanh hạt vừa lấy hom), trung bình mỗi năm cho 0,3 triệu hom giống.

+ Vườn đầu dòng giống điều 2 ha (vừa kinh doanh hạt vừa lấy chồi), trung bình mỗi năm cho 0,36 triệu chồi giống.

+ Vườn đầu dòng ca cao 0,5 ha (chuyên sản xuất giống), trung bình mỗi năm cho 0,75 đến 1,0 triệu bo giống.

Tổng kinh phí từ năm 2013 – 2020 khoảng 6.210 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách hỗ trợ 10% (cơ sở hạ tầng, cây giống); vốn tự có của người sản xuất 60% và vốn vay các nguồn tín dụng 30%. Giai đoạn 2013 – 2015 khoảng 3.385 triệu đồng, vốn ngân sách hỗ trợ khoảng 355 triệu đồng.

- Đầu tư vườn ươm: tổng vốn đầu tư giai đoạn 2013 – 2020 khoảng 90.750 triệu đồng, vốn vay và vốn tự có chủ yếu đầu tư cố định và dụng cụ khoảng 23.000 triệu đồng, còn lại vốn khác là 67.750 triệu đồng; Giai đoạn 2013 – 2015 khoảng 31.750 triệu đồng, vốn tự có khoảng 23.000 triệu đồng và vốn khác khoảng 17.750 triệu đồng.

*g) Dự án giống cây lâm nghiệp*

**Bảng 6: Dự án lập vườn ươm giống cây dài ngày giai đoạn 2013 -2020**

TT	Đơn vị	Quy mô vườn ươm (m <sup>2</sup> )		Triệu cây/năm		Giống cây trồng chủ yếu
		013-015	016-020	013-015	016-020	
	<b>Toàn tỉnh</b>			<b>2,0- 3,3</b>	<b>7,0 – 9,0</b>	
1	CT Cổ phần Đức Lộc	10.000	30.000	0,7 – 1,0	1,5 – 2,0	Keo lá tràm, Keo tai tượng, Xoan ta, Xoan đào, Xà cừ, Tách
2	CT TNHH MTV Thuận Tân	15.000	30.000	0,7 – 1,0	1,5 – 2,0	Keo lá tràm, Keo tai tượng, Xoan ta, Xoan đào, Xà cừ, Tách
3	CT TNHH MTV Gia Nghĩa	15.000	30.000	0,3 – 0,5	1 – 1,5	Keo lá tràm, Keo tai tượng, Xoan ta, Xoan đào, Xà cừ, Muồng đen, Tách, Dầu rái, Sao đen, mac ca
4	CT TNHH MTV LN Nam Tây Nguyên	10.000	30.000	0,1 - 0,3	1 – 1,5	
5	Xí nghiệp LN Quảng Khê	10.000	10.000	0,1 - 0,3	0,5 – 1,0	
6	CT Công Long (Gia Nghĩa)	10.000	30.000	0,1 - 0,3	1 – 1,5	
7	Hợp tác xã Thành Lợi (Gia Nghĩa)	10.000	10.000	0,1 - 0,3	0,5 – 1,0	
8	Các cơ sở nhỏ lẻ			0,1 - 0,2	0,5 – 1,0	

\* Nhu cầu vốn: Tổng kinh phí phát triển sản xuất giống khoảng 27.080 triệu đồng, trong đó vốn tín dụng các nguồn 30% (dự án phát triển rừng), vay các ngân hàng thương mại khoảng 30% và vốn tự có khoảng 40%. Giai đoạn 2013 – 2015 tổng kinh phí khoảng 4.580 triệu đồng.

## 6.2.2. Dự án giống vật nuôi

### a) Dự án giống lợn

Giai đoạn tới tập trung sản xuất giống lợn trên các địa bàn dọc Quốc lộ 14, có lợi thế về giao thông cũng như trình độ kinh doanh và chăn nuôi tốt hơn.

Giai đoạn 2013 – 2015 trung bình mỗi năm sản xuất được 420 lợn bố mẹ và 1.400 con lợn giống chất lượng cao; giai đoạn 2016 – 2020 mỗi năm trung bình 455 con lợn giống bố mẹ và 1.400 con lợn giống chất lượng cao cung cấp cho thị trường. Phần còn lại người dân tự sản xuất với quy mô hộ.

**Bảng 7: Dự án sản xuất lợn giống chất lượng cao giai đoạn 2013 -2020**

TT	Dự án lợn giống	Địa bàn	Quy mô (con/trại)		Con lợn giống/năm	
			2015	2020	2015	2020
1	Trại lợn giống Green Farm	Cư Jút	70.000 con heo giống và 40.000 liều tinh giống/năm			
2	Trại lợn giống thương phẩm	Đăk R'láp	200	200	1.400	1.400
3	Heo sóc và lợn rừng				1.750	1.750
-	Heo rừng + lợn sóc (01 trại)	Đăk Mil	50	50	350	350
-	Heo rừng + lợn sóc (01 trại)	Đăk R'láp	50	50	350	350
4	Trạm phân phối tinh, thụ tinh	Liều tinh			5400 <sup>(*)</sup>	9000

Kinh phí thực hiện trong 8 năm là 39.300 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách khoảng 270 triệu đồng chủ yếu là vốn hỗ trợ đào tạo, thiết bị dẫn tinh cho các trạm phân phối tinh, thụ tinh giống chất lượng cao, còn lại là vốn người sản xuất tự bỏ và tín dụng khác. Giai đoạn 2013 - 2015 tổng kinh phí khoảng 14.700 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách khoảng 120 triệu đồng.

### b) Dự án giống bò

Tập trung cải tạo, nâng cao chất lượng đàn bò tại 2 huyện Tuy Đức và Đăk Glong, bên cạnh đó cũng hỗ trợ các huyện còn lại theo hình thức mô hình.

Giai đoạn 2013 – 2015 đầu tư thêm khoảng 133 con bò đực giống, thụ tinh nhân tạo mỗi năm khoảng 5.000 con bò cái và hỗ trợ giống cỏ chất lượng cao mỗi năm khoảng 24ha; Giai đoạn 2016 - 2020 đầu tư thêm 195 con bò đực giống, thụ tinh nhân tạo mỗi năm khoảng 10.000 con và hỗ trợ giống cỏ chất lượng cao mỗi năm khoảng 24ha.

**Bảng 8: Dự án cải tạo, nâng cao chất lượng đàn bò giai đoạn 2013 -2020**

TT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô		
			Tổng số	2013 -2015	2016 -2020
1	Mua bò đực giống	Con	328	133	195
	Huyện Tuy Đức	Con	81	36	45
	Huyện Đăk Glong	Con	97	47	50
	Các huyện khác	Con	150	50	100
2	Hỗ trợ dẫn tinh	Liều	65.000	15.000	50.000
3	Trồng cỏ CLC	Ha	192	72	120

Kinh phí thực hiện trong 8 năm là 13.487 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách khoảng 2.263 triệu đồng chủ yếu là vốn hỗ trợ tinh, thiết bị dẫn tinh và trồng cỏ chất lượng cao. Trong đó giai đoạn 2013 - 2015 tổng kinh phí khoảng 4.980 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách khoảng 633 triệu đồng (trung bình mỗi năm 211 triệu đồng).

*c) Dự án giống gà*

Tập trung tại địa bàn huyện Cư Jút và Đắk R'lấp và cung cấp chủ yếu cho các trang trại.

Giai đoạn 2013 – 2015 trung bình mỗi năm sản xuất được 8.000 gà giống bố mẹ và 320.000 giống gà thịt, gà đẻ trứng; giai đoạn 2016 – 2020 mỗi năm trung bình 9.600 gà giống bố mẹ và 608.000 giống gà thịt, gà đẻ trứng cung cấp cho thị trường.

**Bảng 9: Dự án sản xuất gia cầm giống chất lượng cao giai đoạn 2013 -2020**

TT	Dự án gà giống	Địa bàn	Quy mô (con/trại)		Con giống/năm	
			2015	2020	2015	2020
1	Trại giống gà (Green farm)	Cư Jút	6 triệu con gà giống/năm			
2	Trại gà giống thương phẩm		4.000	7.600	320.000	608.000
-	Trại giống gà thịt	Cư Jút	1.000	2.000	80.000	160.000
-	Trại giống gà thịt	Đắk R'lấp	1.000	2.000	80.000	160.000
-	Trại giống gà trứng	Cư Jút	1.000	1.800	80.000	144.000
-	Trại giống gà trứng	Đắk R'lấp	1.000	1.800	80.000	144.000
3	Trại giống vịt thương phẩm	Krông Nô	100	180	19.890	35.802

Nhu cầu kinh phí thực hiện dự án trong 8 năm 31.120 triệu đồng, trong đó chủ yếu doanh nghiệp và người dân tự huy động và tổ chức thực hiện; Giai đoạn 2013 – 2015 tổng kinh phí khoảng 6.150 triệu đồng (trung bình mỗi năm 2.050 triệu đồng).

*6.2.3. Dự án giống thủy sản*

Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (bể san ương cá giống và cho cá đẻ nhân tạo, kè ao, chuyên giao tiến bộ kỹ thuật) cho trại cá giống sử dụng công nghệ kỹ thuật cao cho trung tâm giống thủy sản cấp I tại huyện Đắk Mil; Hỗ trợ đầu tư phát triển cá giống nước lạnh tại Đắk Glong để phát triển thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

Trong giai đoạn 2013 – 2015 bình quân sản xuất được khoảng 60 – 61 triệu con cá giống thương phẩm; giai đoạn 2016 – 2020 bình quân khoảng 95 triệu con giống.

**Bảng 10: Dự án sản xuất giống thủy sản giai đoạn 2013 -2020**

TT	Dự án giống thủy sản	Địa bàn	Quy mô (ha/trại)		Triệu con cá giống/năm	
			2015	2020	2015	2020
1	Trại giống thủy sản cấp I	Đắk Mil	20	20	40,00	50,00
2	Các trại cá giống vệ tinh cấp I	Đắk Mil	5	10	10,00	20,00

3	Trại giống cá bố mẹ	Đăk Mil	1	2	2,00	4,00
4	Trại giống cá	TX Gia Nghĩa	1,5	4	5,25	14,00
5	Trại giống cá nước lạnh	Đăk Glong, Đăk Song	1	2	3,50	7,00

Nhu cầu kinh phí: tổng nhu cầu vốn trong 8 năm khoảng 87.600 triệu đồng, trong đó ngân sách hỗ trợ 20.840 triệu đồng, còn lại doanh nghiệp và người dân tự tổ chức. Giai đoạn 2013 – 2015 nhu cầu khoảng 36.225 triệu đồng, ngân sách hỗ trợ khoảng 20.105 triệu đồng cho các hạng mục đầu tư ban đầu cho trung tâm giống cấp I tại Đăk Mil, vốn tín dụng khoảng 5.000 triệu đồng, vốn người dân tự bỏ và huy động ngân hàng khoảng 11.120 triệu đồng.

## **7. Dự án tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.**

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin tư liệu nguồn gen cây nông lâm nghiệp, vật nuôi, thủy sản, phục vụ cho công tác quản lý và nghiên cứu. Tổ chức thực hiện bình tuyển và công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, rừng giống trên địa bàn tỉnh; theo dõi, đánh giá và hướng dẫn sử dụng. Đề xuất cơ chế chính sách khai thác hợp lý cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống đã được công nhận.

- Phối hợp với các Viện nghiên cứu, Trường Đại học và các tổ chức, cá nhân, cơ quan chuyên ngành trong và ngoài tỉnh tham gia, nghiên cứu đào tạo, mở lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ thuật về công tác giống; khảo nghiệm giống, phổ cập kiến thức về sản xuất và kinh doanh giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản cho người sản xuất.

- Quản lý giống cây trồng, vật nuôi thông qua kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng các loại giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trong các khâu sản xuất, chế biến, bảo quản, xuất nhập khẩu và kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

## **8. Tổng hợp nguồn vốn đầu tư và hiệu quả kinh tế**

### **8.1. Tổng hợp vốn đầu tư**

#### **8.1.1. Tổng đầu tư:**

*841.308 triệu đồng*

Trong đó:

- Các dự án nghiên cứu giống 5.600 triệu đồng
- Các dự án khảo nghiệm giống 6.670 triệu đồng
- Các dự án liên quan đào tạo nhân lực 13.260 triệu đồng
- Các dự án giống cây trồng nông nghiệp: 617.191 triệu đồng
- Các dự án giống cây lâm nghiệp: 27.080 "
- Các dự án giống vật nuôi: 83.907 "
- Các dự án giống thủy sản: 87.600 "

#### **8.1.2. Nguồn vốn:**

- Nguồn vốn ngân sách: 51.533 triệu đồng (6,13%);
- Vốn vay tín dụng đầu tư: 31.764 triệu đồng (3,78%);
- Vốn vay ngân hàng thương mại: 207.406 triệu đồng (24,65%);
- Vốn của các tổ chức, cá nhân: 552.574 triệu đồng(65,68%).

## 8.2. Hiệu quả đầu tư

### 8.2.1. Hiệu quả kinh tế

Đến năm 2020, dự án giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản tạo ra được nguồn giống an toàn và sạch bệnh cung cấp cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp tỉnh Đắk Nông. Hình thành được hệ thống sản xuất giống từ tỉnh xuống các địa bàn huyện, vùng chuyên sản xuất giống, vùng sản xuất giống công nghệ kỹ thuật cao, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Chủ động được giống tốt phục vụ nhu cầu sản xuất nông lâm thủy sản tại chỗ nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi và hiệu quả sản xuất, nâng cao sức năng cạnh tranh của hàng hóa nông, lâm, thủy sản.

### 8.2.2. Hiệu quả xã hội:

Dự án giải quyết việc làm, thu nhập ổn định cho khoảng 1.000 – 2.000 lao động/năm, nông dân tiếp nhận và làm quen với khoa học kỹ thuật, nâng cao nhận thức trong sản xuất cũng như sử dụng giống mới.

### 8.2.3. Hiệu quả về môi trường:

Đề án cung cấp cây giống phục vụ các chương trình dự án trồng rừng của tỉnh và các doanh nghiệp, góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao độ che phủ của rừng lên khoảng 46% (2015) và 50% vào năm 2020, góp phần hạn chế suy giảm môi trường, chống lại sự biến đổi khí hậu.

Giống mới được sản xuất theo quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt, chất lượng cây con giống đảm bảo và an toàn dịch bệnh cao, góp phần hạn chế dịch bệnh trong sản xuất đại trà.

## 9. Các giải pháp thực hiện quy hoạch.

### 9.1. Các giải pháp

#### 9.1.1. Giải pháp liên quan đến nghiên cứu, chọn tạo giống

- Có cơ chế, chính sách thu hút cán bộ có trình độ, năng lực và tâm huyết làm việc tại các cơ sở nghiên cứu, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Ngân sách đầu tư đào tạo ngắn hạn cho cán bộ quản lý giống, cán bộ nghiên cứu liên quan đến giống.

- Lập dự án nghiên cứu bảo tồn các giống cây con có nguồn gốc tại địa phương.

- Bố trí ngân sách hàng năm cho nghiên cứu khoa học, đặc biệt trong khâu giống đối với các loài cây con có nguồn gốc địa phương (đã được người dân nuôi, trồng từ lâu và đã tạo nên đặc trưng riêng).

- Tổ chức xây dựng thương hiệu, thường xuyên tổ chức lễ hội, tour du lịch có gắn với các đặc sản của tỉnh để quảng bá và phát triển các giống cây con đặc sản.

- Tạo mối liên kết chặt chẽ với các nhà khoa học, như Viện, trường.

- Hoàn thiện hệ thống các cơ sở nghiên cứu theo hướng hiện đại và nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ về giống cây, con; Nhập nội nguồn gen, nhập công nghệ mới, mua bản quyền tác giả; Gắn kết các trung tâm giống, các doanh nghiệp, HTX và các hộ gia đình với các Viện khoa học, trường đại học trong nghiên cứu, chọn tạo giống.

### 9.1.2. Giải pháp liên quan đến chuyển giao giống

- Lập dự án đào tạo, tham quan và tăng cường công tác khuyến nông từ cấp tỉnh đến cấp xã và cán bộ hội nông dân xã, thôn, bon.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về giống vào sản xuất đại trà; công tác khảo nghiệm, đánh giá và công nhận chất lượng giống để đưa ra sản xuất đại trà.

- Lập các dự án ưu tiên về xây dựng các mô hình trình diễn giống mới, giống tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- Xây dựng mô hình trình diễn giống mới chuyển giao quy trình sản xuất và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất giống theo cụm xã.

- Tăng cường thông tin tuyên truyền hỗ trợ nông dân sử dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất giống và sử dụng giống mới, an toàn dịch bệnh cho sản xuất.

### 9.1.3. Giải pháp liên quan đến sản xuất, cung ứng giống

- Lập dự án đào tạo nông dân chuyên sản xuất giống và nâng cao năng lực cho các tổ chức, cá nhân chuyên sản xuất, kinh doanh giống cây, con; Tập huấn kỹ thuật cho người sản xuất, kinh doanh giống cây con và nông dân sử dụng giống mới vào sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất kinh doanh, giống cây nông lâm nghiệp và việc thi hành pháp lệnh về giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

- Đầu tư kinh phí và các trang thiết bị kỹ thuật, đáp ứng cho công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng cây con giống, thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, giống cây trồng nông lâm nghiệp và giống vật nuôi, chấn chỉnh kịp thời các sai phạm.

- Tăng nhanh tỷ lệ sử dụng giống cây, con tiến bộ kỹ thuật cho sản xuất đại trà phù hợp với điều kiện từng khu vực; Xây dựng mô hình trình diễn công nghệ sản xuất giống đã được phê duyệt.

- Triển khai các chương trình giống, phổ biến các tiêu chuẩn định mức, quy trình kỹ thuật sản xuất cây con giống, tuyên truyền, để người dân và các doanh nghiệp nâng cao trách nhiệm trong lĩnh vực sản xuất giống cây trồng vật nuôi, thông qua các chương trình dự án.

- Lập dự án giống ưu tiên, triển khai các dự án sản xuất giống trên địa bàn:

+ Các dự án sản xuất hạt giống lúa xác nhận.

+ Dự án sản xuất hạt giống ngô lai.

+ Dự án sản xuất giống khoai lang Nhật Bản, dự án xây dựng phòng nuôi cấy mô nhân giống khoai lang

+ Tiếp tục dự án cải tạo và nâng cao chất lượng đàn bò bằng bò đực Brahman đồ giai đoạn 2013 -2020

+ Dự án đầu tư các vườn cây đầu dòng, cung cấp nguyên liệu sản xuất cây giống chất lượng phục vụ tái canh cà phê, trồng mới cao su, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao.

+ Dự án sản xuất con giống: lợn chuyên chất lượng cao; lợn rừng; lợn sóc và con lai giữa lợn rừng và lợn sóc.

- + Dự án nâng cấp và xây dựng các vườn ươm cây giống lâm nghiệp.
- + Chương trình phát triển giống cỏ chất lượng cao phục vụ chăn nuôi thủy sản giai đoạn 2011 -2020.

#### **10. Tổ chức thực hiện:**

Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp các ngành và UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện quy hoạch được phê duyệt đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả. Đồng thời chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc tổ chức thực hiện quản lý Nhà nước về giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Các địa phương, cá nhân, đơn vị có nhu cầu thông tin liên quan đến Quy hoạch, phục vụ cho công tác chuyên môn của địa phương và đơn vị mình, liên hệ Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Đắk Nông để được cung cấp theo quy định hiện hành của Nhà nước./.

#### **Nơi nhận :**

- TT Tỉnh ủy Đắk Nông (B/C);
- TT HĐND tỉnh Đắk Nông (B/C);
- UBND tỉnh (B/C);
- UBND các huyện, thị xã;
- Các Sở, Ban, Ngành;
- Đài truyền hình Đắk Nông ;
- Báo Đắk Nông ;
- Ban giám đốc Sở;
- Lưu VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

**Đỗ Ngọc Duyên**